TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HS-ST
Ngày: 29/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn A.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích L và Ông Trần Ngọc Đ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bá Văn Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Tằn Đình TH - Kiểm sát viên.

Tham gia tại điểm cầu trung tâm.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B và Điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 109/2022/HSST ngày 28 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1995 (Tên gọi khác: B); tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: Thôn BL, xã PRT, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 4/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Đ1, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 05/10/2022 trong trường hợp truy nã hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ công an huyện B.

- Bị hại: Ông Nguyễn Cu T1, sinh năm 1974 (Có mặt).

- Người làm chứng: Lê Thanh T2, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn BL1, xã PRT, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Tham gia tại điểm cầu trung tâm.

- Người tham gia tố tụng khác tham gia điểm cầu thành phần:

+ Đại diện Tòa án nhân dân huyện B: Ông Đặng Xuân N1 - Thẩm phán.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Ông Lư Ngọc Q - Kiểm sát viên.

+ Đại diện nhà tạm giữ Công an huyện B: Đặng Tấn T3 - Cán bộ, Hồ Thanh T4 - Chiến sỹ và Trần Đức H1 - Chiến sỹ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13giờ 30 phút ngày 27/10/2021 Trần Văn T (tức là Bọt), sinh ngày 15/9/1995, ở thôn BL, xã PRT, huyện B, tỉnh Bình Thuận đạp xe đạp hiệu Martin màu trắng của Trần Thị X, sinh năm 1997, ở thôn BL, xã PRT, huyện B (là cô ruột của T) đến nhà Lê Văn S (là anh rể của T) ở thôn BL1, xã PRT, huyện B để xin tiền nhưng S không có nhà nên T đạp xe quay về lại nhà. Trên đường đi ngang qua nhà kho của Nguyễn Cu T1, sinh năm 1974, ở thôn BL1, xã PRT, huyện B, tỉnh Bình Thuận thì T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 86B1- 508.03, hiệu Honda Wave Alpha của T1 dựng ở ngay sát lề đường phía trước nhà kho và chìa khóa xe vẫn còn cắm ở trên ổ khóa, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu xài. T dựng xe đạp ở lề đường gần cổng chùa Tòng Lâm (cách chỗ để xe mô tô biển số 86B1-508.03 khoảng 20 m), rồi T đi bộ đến chỗ chiếc xe mô tô trên, leo lên xe mở khóa, đề máy nổ và điều khiển xe mô tô trên đến nhà của Lê Thanh T2 (tức là NA), sinh ngày 1/10/1990, ở thôn BL1, xã PRT, huyện B, tỉnh Bình Thuận (là bạn của T) để nhờ T2 bán chiếc xe mô tô trên. Khi đến nhà của T2 thì T dựng xe mô tô biển số 86B1-508.03 trước sân nhà và đi vào trong nhà thì nhìn thấy T2 đang ngồi phía sau nhà nên T nói với T2 "anh N bán dùm em chiếc xe mô tô", T2 đi ra phía trước nhìn thấy xe mô tô biển số 86B1- 508.03 nên T2 hỏi lại T "xe mô tô này ở đâu?", T nói "xe của ai để ở chùa Tòng Lâm đó, em thấy chìa khóa xe còn cắm trên xe nên em để xe đạp của em lại và lấy chiếc xe mô tô này chạy về đây nhờ anh đi bán dùm" và T2 biết xe mô tô này do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý. T2 mở cửa ra, dắt chiếc xe mô tô biển số 86B1-508.03 ra phía sau và dùng dụng cụ tháo biển số 86B1-508.03 của xe mô tô mà T2 vừa lấy trộm ra, bỏ biển số xe 86B1-508.03 lên trên tấm đan nhà vệ sinh để cất giấu, còn T sợ đi ra ngoài bị phát hiện nên mượn của T2 một cái áo sơ mi ngắn tay có màu xanh tím để thay lại cái áo mà T đang mặc. T2 điều khiển xe mô

tô mà T vừa lấy trộm được (không gắn biển số 86 B1-508.03) chở T đi đến nhà của Võ Văn T4 (tức là M), sinh năm 1987, ở khu phố S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (là người quen mà T2 quen biết trước đây) để bán xe mô tô này cho T. Khi đến đầu đường hẻm của nhà T4, thì T2 bảo T xuống xe đứng ở đây chờ, còn T2 dắt xe mô tô đi vào nhà của T4 bán. Khi gặp T4 thì T2 hỏi "có mua xe không? để lại 2.500.000 đồng" T4 trả lời "mua với giá 2.000.000 đồng", T2 đồng ý bán xe mô tô này cho T4 với số tiền 2.000.000 đồng. T2 mua 02 tép ma túy của T4 với số tiền 200.000 đồng để sử dụng, T4 đưa tiền mặt 1.800.000 ngàn đồng và 02 tép ma túy cho T2. T đang đứng chờ hơi lâu nên đi vào nhà của T4, thì gặp T2 và T4 thì T2 nói cho T biết vừa bán xe với giá 2.000.000 đồng và T đồng ý với giá trên. T2 đưa tiền cho T cầm thì T đếm tiền lại chỉ có 1.800.000 đồng nên nói với T2 còn thiếu 200.000 đồng, T2 nói đã lấy 200.000 đồng mua ma túy. Sau đó, T đưa tiền thêm cho T2 600.000 đồng, còn 1.200.000 đồng thì T giữ, rồi T2 và T đi bộ ra ngoài đường để tìm kiếm thuê xe ôm chở về lại nhà ở thôn BL1, xã PRT huyện B. Khi bán xe mô tô có tiền thì T2 đã dùng 600.000 đồng vào việc mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết; còn T đã mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết 520.000 đồng, còn lại 680.000 đồng T cất giấu tại nhà. Sau khi phát hiện xe mô tô biển số 86B1-508.03 bị mất trộm, Nguyễn Cu T1 đi đến công an xã PRT trình báo sự việc. Quá trình tiến hành xác minh, công an xã PRT đã nghi vấn Trần Văn T và Lê Thanh T2 nên mời T và T2 về trụ sở để làm việc. Tại đây T và T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp và tiêu thụ chiếc xe mô tô biển số 86B1-508.03 như nội dung diễn biến vụ án nêu trên (Bút lục số: 94-107, 132- 135).

Công an xã PRT đã lập biên bản tạm giữ: Số tiền 680.000 đồng, 01 chiếc áo khoác màu đen, phía bên ngực trái có chữ Reebok màu trắng và 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đen, phía trên có ký hiệu và chữ Adidas màu trắng (do Trần Văn T giao nộp); 01 biển số 86B1-508.03 (do Lê Thanh T2 giao nộp) và xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu trắng đen bạc, số máy JA39E1105844, Số khung 319XKY245066 (do Võ Văn T4 giao nộp) và báo cáo chuyển hồ sơ đến cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền (Bút lục số: 01- 06)

*Theo kết luận định giá tài sản số 101/2021/HĐĐG-TTHS ngày 23/11/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B1-508.03, nhãn hiệu Honda, số lại Wave Alpha, màu trắng đen bạc, số máy JA39E1105844, Số khung 319XKY245066, bị trộm cắp vào ngày 27/10/2021 tại xã PRT:

- Nguyên giá 18.000.000 đồng/chiếc; số lượng 01 chiếc; chất lượng còn lại 65%; thành tiền: 01 chiếc x (18.000.000 đồng/chiếc x 65%) = 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) (Bút lục số 46- 47).

Quá trình điều tra, Trần Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương, đi đến thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B đã ra quyết định truy nã và quy định tách vụ án. Đến ngày 5/10/2022, Trần Văn T bị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Bình Thuận bắt trong trường hợp truy nã. Quá trình phục hồi điều tra vụ án, bị can Trần Văn T đã khai

nhận toàn hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên, phù hợp với lời khai của đồng phạm, nhân chứng, cũng như lời khai của bị hại và vật chứng thu giữ được.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Lê Thanh T2, những người liên quan cùng với tang, vật chứng của vụ án và phần dân sự: Đã được giải quyết xong trong vụ án: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo bản án số 82/2022/HSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, nêu trong vụ án này không xem xét giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKS.HBB ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận về hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Văn Thanh từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về phần dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo Trần Văn T không trình bày lời bào chữa, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo Trần Văn T trình bày: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo hứa không bao giờ vi phạm nữa, bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hồi đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Các hành vi, Quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng hơn 13 giờ 30 phút ngày 27/10/2021 tại thôn BL1, xã PRT, huyện B, tỉnh Bình Thuận do Trần Văn T lén lút, bí mật lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 86B1-508.03 của Nguyễn Cu T1, trị giá 11.700.000 đồng. Sau đó, T nhờ Lê Thanh T2 đem chiếc xe mô tô này bán cho Võ Văn T3 thu số tiền 2.000.000 đồng. Khi bán xe mô tô có tiền, T đã chia tiền cho T2 800.000 đồng và đã tiêu xài hết, còn lại 1.200.000 đồng T cất giữ và T đã tiêu xài hết 520.000 đồng, còn lại 680.000 đồng thì bị cơ quan Công an thu giữ được. Chiếc xe mô tô biển số 86B1-508.03 đã được thu hồi, giao trả lại cho bị hại Nguyễn Cu T1 và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Hành vi lén lút, bí mật lấy trộm tài sản là chiếc xe mô tô biển số 86B1-508.03 trị giá 11.700.000 đồng nêu trên của Trần Văn T, đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây nguy hiểm cho xã hội nên T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ hành vi và hậu quả đã gây ra.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Trần Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điều i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về phần dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Trần Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điều i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

*** Xử phạt:** Bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 05/10/2022.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2022).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;

- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Tuấn A